

Số: 53/KL - TTr

Ninh Bình, ngày 01 tháng 12 năm 2023

KẾT LUẬN
Về việc thanh tra chuyên ngành
Trường Mầm non Yên Đồng, huyện Yên Mô

Thực hiện Quyết định số 20/QĐ-TTr ngày 04/10/2023 của Chánh Thanh tra Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Ninh Bình về việc thanh tra chuyên ngành Trường Mầm non Yên Đồng, huyện Yên Mô, Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra trực tiếp tại Trường Mầm non Yên Đồng từ ngày 19/10/2023 đến ngày 25/10/2023.

Xét báo cáo kết quả thanh tra ngày 10/11/2023 của Trường đoàn thanh tra, Chánh Thanh tra Sở Giáo dục và Đào tạo kết luận như sau:

A. KHÁI QUÁT CHUNG

Trường Mầm non (MN) Yên Đồng được thành lập năm 2001 theo Quyết định số 169/QĐ-UBND ngày 24/10/2001 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Yên Mô. Năm 2011, Trường được chuyển đổi từ loại hình trường bán công sang trường MN công lập theo Quyết định số 72/QĐ-UBND ngày 20/01/2011 của Chủ tịch UBND huyện Yên Mô. Trải qua 22 năm xây dựng và trưởng thành, nhà trường luôn nhận được sự quan tâm của cấp ủy đảng, chính quyền địa phương đầu tư kinh phí xây dựng cơ sở vật chất, trang bị thiết bị dạy học. Tháng 12/2022, Trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1, đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2.

Đơn vị đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non (GDMN) cho trẻ em 5 tuổi vào năm 2012, hằng năm luôn duy trì đạt chuẩn phổ cập GDMN trẻ 5 tuổi theo quy định. Năm học 2021-2022, Trường được Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) Ninh Bình tặng “Giấy khen hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”.

Tại thời điểm thanh tra, đơn vị có 03 điểm trường (điểm trường Khu trung tâm đặt tại thôn Đông Xá; 02 điểm trường lẻ đặt tại thôn Yên Tế, thôn Thống Nhất, xã Yên Đồng, huyện Yên Mô). Trường có 69 cán bộ, giáo viên, nhân viên (CBGVNV), lao động hợp đồng, trong đó: 47 CBGVNV biên chế, 22 hợp đồng trường (05 giáo viên, 01 nhân viên kế toán, 13 lao động hợp đồng (LĐHĐ) thực hiện nhiệm vụ nấu ăn, 03 LĐHĐ thực hiện nhiệm vụ bảo vệ); có 26 nhóm, lớp với 711 trẻ (05 nhóm với 144 trẻ nhà trẻ, 21 lớp với 567 trẻ mẫu giáo).

B. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

I. Công tác tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục

1. Việc ban hành văn bản, quản lý văn bản của đơn vị; phổ biến, giáo dục pháp luật trong nhà trường

Các năm học (trong thời kỳ thanh tra), Trường đã ban hành các văn bản quản lý đúng thẩm quyền để triển khai thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục (NDCSGD) của đơn vị (kế hoạch, quyết định, quy chế, công văn, tờ trình, báo cáo,...); các văn bản được soạn thảo, ban hành cơ bản đảm bảo về thể thức, kỹ thuật

trình bày văn bản¹. Trường đã thực hiện gửi, nhận, quản lý, lưu trữ văn bản điện tử trên hệ thống ioffice của đơn vị cơ bản đảm bảo theo quy định.

Nhà trường đã triển khai đầy đủ các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật theo quy định; thường xuyên tuyên truyền, phổ biến tới CBGVNV và cha mẹ trẻ; hình thức tuyên truyền khá đa dạng, góp phần nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật của CBGVNV và cha mẹ trẻ.

Tuy nhiên, việc cấp sổ, đăng ký văn bản đi ở một số văn bản chưa kịp thời (có sổ văn bản kèm ký tự a/b).

2. Tổ chức và quản lý nhà trường

Trong thời kỳ thanh tra, Trường có đủ các tổ chức, đoàn thể theo quy định tại Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường MN (Điều lệ trường học); các tổ chức, đoàn thể trong nhà trường được kiện toàn², hoạt động theo quy định Điều lệ của từng tổ chức và quy định của pháp luật. Tại thời điểm thanh tra, Chi bộ Đảng có 43 đảng viên (Ban chỉ ủy có 03 đồng chí); Công đoàn trường có 50 công đoàn viên (Ban chấp hành Công đoàn trường có 03 người); Chi Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có 12 đoàn viên; Hội đồng trường nhiệm kỳ 2021-2025 được kiện toàn (theo Quyết định số 6757/QĐ-UBND huyện ngày 04/10/2023) có 07 thành viên; Hội đồng thi đua khen thưởng do Hiệu trưởng thành lập vào đầu mỗi năm học, đảm bảo cơ cấu số lượng³.

Hiệu trưởng và 02 Phó Hiệu trưởng có trình độ đào tạo chuyên môn trên chuẩn, trình độ Trung cấp Lý luận chính trị và được bồi dưỡng Quản lý giáo dục, có năng lực quản lý, có tinh thần trách nhiệm; hàng năm được cấp quản lý đánh giá hoàn thành tốt và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Trường có 02 tổ chuyên môn (tổ nhà trẻ, tổ mẫu giáo) và tổ văn phòng; các năm học, Hiệu trưởng ra quyết định thành lập các tổ đảm bảo thành phần, cơ cấu, số lượng, đồng thời bổ nhiệm chức danh Tổ trưởng, Tổ phó các tổ chuyên môn và Tổ trưởng tổ văn phòng theo quy định. Tại thời điểm thanh tra, tổ chuyên môn nhà trẻ có 23 người (10 giáo viên, 13 cô nấu ăn); tổ chuyên môn mẫu giáo có 39 giáo viên; tổ văn phòng có 04 người (01 nhân viên kế toán, 03 bảo vệ). Các tổ chuyên môn sinh hoạt định kỳ một tháng 02 lần, tổ văn phòng sinh hoạt định kỳ một tháng 01 lần; các tổ xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện nhiệm vụ cơ bản phù hợp với tình hình của nhà trường, Điều lệ trường học.

¹ Năm 2021, Trường đã ban hành 126 văn bản; năm 2022: 135 văn bản; năm 2023, tính đến thời điểm thanh tra: 85 văn bản.

² Quyết định số 60 -QĐ/ĐU ngày 31/05/2022 của Đảng ủy xã Yên Đồng về việc Chuẩn y kết quả bầu cử Chi ủy, Bí thư và Phó bí thư Chi bộ trường MN Yên Đồng nhiệm kỳ 2022-2025; Quyết định số 76-QĐ/ĐU ngày 06/02/2023 của Đảng ủy xã Yên Đồng về việc kiện toàn Ban chỉ ủy chi bộ và chỉ định chức danh Bí thư Chi bộ trường MN Yên Đồng nhiệm kỳ 2022-2025. Quyết định số 74/QĐ-LĐLĐ ngày 05/10/2017 của Liên đoàn lao động huyện Yên Mô Quyết định về việc công nhận BCH, chức danh Chủ tịch CĐCS nhiệm kỳ 2017-2022; Quyết định số 17/QĐ-LĐLĐ ngày 14/02/2023 của Liên đoàn lao động huyện Yên Mô về việc công nhận BCH, Chủ tịch CĐCS nhiệm kỳ 2023-2028. Quyết định của Ban thường vụ đoàn xã Yên Đồng về việc công nhận kết quả bầu kiện toàn BCH chi đoàn trường (Quyết định số 20-QĐ/BTV ngày 08/10/2021; Quyết định số 03-QĐ/BTV ngày 06/10/2022; Quyết định số 07-QĐ/BTV ngày 13/10/2023).

³ Các Quyết định thành lập hội đồng Thi đua- Khen thưởng (Quyết định số 106/QĐ-TrMN ngày 10/12/2021; Quyết định số 124/QĐ-TrMN ngày 03/10/2022; Quyết định số 18a/QĐ-TrMN ngày 20/2/2023; Quyết định số 155/QĐ-TrMN ngày 21/9/2023).

Giáo viên: năm học 2021-2022, Trường có 47 giáo viên (Đại học sư phạm GDMN chiếm 94%, Cao đẳng 4%, Trung cấp 2%), tỷ lệ giáo viên/nhóm lớp là 1,96; năm học 2022-2023, có 47 giáo viên (Đại học chiếm 96%, Cao đẳng 2%, Trung cấp 2%), tỷ lệ giáo viên/nhóm lớp là 1,74. Tại thời điểm thanh tra, Trường có 49 giáo viên (Đại học chiếm 92%, Cao đẳng 4%, Trung cấp 4%), tỷ lệ giáo viên/nhóm, lớp là 1,9. Giáo viên có năng lực chuyên môn, ý thức trách nhiệm trong công việc, thực hiện tốt nhiệm vụ được phân công.

Nhân viên, lao động hợp đồng: hiện tại có 01 nhân viên kế toán (Đại học), 13 LĐHĐ thực hiện nhiệm vụ nấu ăn (trong đó có chứng chỉ nấu ăn: 02 người, Cao đẳng nấu ăn: 02, Trung cấp nấu ăn: 08) và 03 LĐHĐ thực hiện nhiệm vụ bảo vệ.

Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo: các năm học, Trường tiếp nhận trẻ từ 15 tháng tuổi đến 72 tháng tuổi, bố trí trẻ học ở các nhóm, lớp đúng độ tuổi⁴; được NDCSGD theo chương trình GDMN phù hợp với khả năng và nhu cầu của trẻ. Năm học 2023-2024, Trường có 26 nhóm, lớp (bình quân: 29 trẻ/nhóm 24- 36 tháng tuổi; 24 trẻ/lớp 3-4 tuổi; 28 trẻ/lớp 4-5 tuổi, 29 trẻ/lớp 5-6 tuổi); có 01 trẻ khuyết tật được NDCSGD hoà nhập theo quy định.

Tồn tại, hạn chế:

Hiện tại, trường chưa đảm bảo tỷ lệ tối thiểu 02 giáo viên/lớp (còn thiếu 03 giáo viên); có 01 giáo viên (hợp đồng trường) chưa đạt chuẩn theo quy định và 04 LĐHĐ trường (01 nấu ăn, 03 bảo vệ) chưa được bồi dưỡng kỹ năng nghề theo quy định tại điểm k, khoản 1, Điều 21, Bộ luật Lao động năm 2019.

3. Công tác kiểm tra nội bộ trường học

Trong thời kỳ thanh tra, Trường đã thành lập Ban kiểm tra nội bộ, xây dựng Kế hoạch kiểm tra, ban hành Quy chế kiểm tra⁵,... tổ chức kiểm tra theo kế hoạch đã xây dựng. Nội dung kiểm tra tập trung vào hoạt động sư phạm của nhà giáo, hồ sơ giáo viên, nhân viên nuôi dưỡng,.... Thực hiện quy trình 01 cuộc kiểm tra đảm bảo theo hướng dẫn⁶. Năm học 2021-2022 đã thực hiện kiểm tra 05 cuộc kiểm tra theo kế hoạch; năm học 2022-2023: 07 cuộc kiểm tra theo kế hoạch.

Tồn tại, hạn chế:

Hồ sơ công tác kiểm tra nội bộ chưa đảm bảo (thể thức, căn cứ ban hành một số văn bản về công tác kiểm tra chưa đảm bảo quy định; nội dung kế hoạch tiến hành kiểm tra, báo cáo kết quả kiểm tra còn sơ sài).

4. Thực hiện các quy định về công khai trong lĩnh vực giáo dục (theo quy định tại Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GDĐT ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân)

⁴ Năm học 2021-2022 có 24 nhóm, lớp, bình quân: 25 trẻ/nhóm 2 tuổi; 34 trẻ/lớp 3 tuổi; 36 trẻ/lớp 4 tuổi, 31 trẻ/lớp 5 tuổi; Năm học 2022-2023, có 27 nhóm, lớp, bình quân: 24 trẻ/nhóm 2 tuổi; 28 trẻ/lớp 3 tuổi; 29 trẻ/lớp 4 tuổi, 31 trẻ/lớp 5 tuổi; Năm học 2023-2024, có 26 nhóm, lớp, bình quân: 29 trẻ/nhóm 2 tuổi; 24 trẻ/lớp 3 tuổi; 28 trẻ/lớp 4 tuổi, 29 trẻ/lớp 5 tuổi

⁵ Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Ban kiểm tra nội bộ, xây dựng Kế hoạch kiểm tra, ban hành Quy chế kiểm tra nội bộ; lập sổ theo dõi công tác kiểm tra trong năm học; xây dựng báo cáo cuối kỳ, cuối năm học công tác kiểm tra nội bộ.

⁶ Đoàn kiểm tra hồ sơ 03 cuộc kiểm tra (cuộc kiểm tra tháng 11/2021, tháng 10/2022, tháng 04/2023) cho thấy: 03/03 cuộc kiểm tra đã ban hành quyết định kiểm tra, xây dựng kế hoạch tiến hành kiểm tra, lập biên bản kiểm tra, báo cáo kết quả kiểm tra và thông báo kết quả kiểm tra.

Nhà trường xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện các quy định về công khai⁷, hình thức công khai cơ bản đảm bảo quy định: công khai trên trang Thông tin điện tử của trường (<https://ninhbinh.edu.vn/ym-mnyendong>); phổ biến trong cuộc họp CBGVNV nhà trường; niêm yết tại bảng tin nhà trường. Các nội dung công khai theo quy định tại Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GDĐT; thời điểm công khai đầu năm học, cuối năm học, khi có thông tin mới hoặc thay đổi.

5. Việc thực hiện quy chế tổ chức và hoạt động trong nhà trường

Nhà trường đã xây dựng các quy chế và Bộ quy tắc ứng xử theo quy định⁸, phổ biến tới CBGVNV thông qua Hội nghị toàn thể cán bộ, viên chức, người lao động đầu các năm học; công khai trên trang Thông tin điện tử nhà trường/niêm yết tại bảng tin nhà trường.

Đã xây dựng, rà soát, bổ sung quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường năm học 2023-2024; các năm học (trong thời kỳ thanh tra) đã báo cáo tình hình thực hiện dân chủ của đơn vị theo quy định⁹. Hiệu trưởng thực hiện cơ bản đảm bảo quy định “những việc Hiệu trưởng phải công khai” và phổ biến hướng dẫn nhà giáo, cán bộ quản lý tham gia ý kiến theo quy định tại Thông tư số 11/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc hướng dẫn thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ sở giáo dục công lập.

Hàng năm, Hiệu trưởng phân công nhiệm vụ cho CBGVNV, người lao động đúng chuyên môn đào tạo, năng lực của cá nhân để triển khai thực hiện¹⁰. Hiệu trưởng tham gia sinh hoạt cùng tổ Văn phòng; 01 Phó Hiệu trưởng tham gia sinh hoạt cùng tổ CM Nhà trẻ, 01 Phó Hiệu trưởng tham gia sinh hoạt cùng tổ CM Mẫu giáo; Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng thực hiện tốt nhiệm vụ được giao. CBGVNV trong nhà trường chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy định của cơ quan quản lý giáo dục¹¹; phối hợp, hỗ trợ về chuyên môn, nghiệp vụ để nâng cao chất lượng và hiệu quả công việc.

⁷ Báo cáo số 64/BC-TrMN ngày 26/8/2022 về kết quả thực hiện quy chế công khai năm học 2021-2022 và kế hoạch triển khai quy chế công khai năm học 2022-2023; Báo cáo số 75c/BC-TrMN ngày 23/8/2023 về kết quả thực hiện quy chế công khai năm học 2022-2023 và kế hoạch triển khai quy chế công khai năm học 2023-2024; các quyết định về việc công bố công khai dự toán ngân sách, bổ sung dự toán, quyết toán ngân sách, các biên bản niêm yết công khai, biên bản hoàn thành niêm yết công khai.

⁸ Quyết định ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường (Quyết định số 105/QĐ-TrMN ngày 11/10/2021; số 123/QĐ-TrMN ngày 30/9/2022; số 175/QĐ-TrMN ngày 27/9/2023); Quyết định ban hành quy chế kiểm tra nội bộ (Quyết định số 123/QĐ-TrMN ngày 15/10/2021; số 128/QĐ-TrMN ngày 03/10/2022; số 191/QĐ-TrMN ngày 02/10/2023); Quyết định ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ và quản lý sử dụng tài sản công (Quyết định số 01/QĐ-TrMN ngày 23/01/2021; số 01a/QĐ-TrMN ngày 10/01/2022; số 01/QĐ-TrMN ngày 12/01/2023); Quy chế phối hợp giữa Ban giám hiệu với Ban chấp hành Công đoàn trường (ban hành ngày 9/10/2021; ngày 30/9/2022; ngày 27/9/2023); Quyết định ban hành Bộ quy tắc ứng xử trong nhà trường (Quyết định số 101c/QĐ-TrMN ngày 8/10/2021; số 123a/QĐ-TrMN ngày 30/9/2022; số 08a/QĐ-TrMN ngày 19/1/2023).

⁹ Quyết định số 105/QĐ-TrMN ngày 11/10/2021 ban hành Quy chế dân chủ trong hoạt động của trường; Quyết định số 175/QĐ-TrMN ngày 27/9/2023 sửa đổi Quy chế dân chủ trong hoạt động của trường. Báo cáo tình hình thực hiện dân chủ của đơn vị (Báo cáo số 96/BC-TrMN, ngày 05/10/2021; Báo cáo số 123a/BC-TrMN, ngày 02/10/2022)

¹⁰ Quyết định số 95/QĐ-TrMN ngày 20/9/2021 v/v phân công nhiệm vụ cho CBGVNV năm học 2021-2022; Quyết định số 94/QĐ-TrMN ngày 16/08/2022 v/v phân công nhiệm vụ cho CBGVNV năm học 2022-2023; Quyết định số 7a/QĐ-TrMN ngày 13/1/2023 v/v điều chỉnh phân công nhiệm vụ cho CBGVNV năm học 2022-2023; Quyết định số 131/QĐ-TrMN ngày 31/08/2023 v/v phân công nhiệm vụ cho CBGVNV năm học 2023-2024.

¹¹ Năm 2021-2022, thực hiện kêu gọi cán bộ giáo viên, nhân viên ủng hộ quỹ phòng chống thiên tai và an sinh xã hội là 2.320.000 đồng. Năm học 2022-2023 kêu gọi CBGVNV quyên góp ủng hộ quỹ “Đền ơn đáp nghĩa và an sinh xã hội”

Đầu các năm học, Trường đã phát động các phong trào thi đua; xây dựng quy chế đánh giá, xếp loại CBGVNV; tổ chức đánh giá, khen thưởng CBGVNV đúng quy trình, hồ sơ thi đua lưu trữ đầy đủ, công khai, kịp thời¹².

II. Thực hiện quy chế chuyên môn, thực hiện nội dung, phương pháp giáo dục; công tác xây dựng trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích

1. Việc thực hiện quy chế chuyên môn, thực hiện nội dung, phương pháp giáo dục

Công tác quản lý, chỉ đạo việc thực hiện quy chế chuyên môn:

Nhà trường đã xây dựng các kế hoạch giáo dục thực hiện chương trình GDMN theo quy định của Bộ GDĐT, Sở GDĐT, Phòng GDĐT¹³; chỉ đạo các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch trong đó tập trung vào đổi mới nội dung sinh hoạt chuyên môn của tổ, tăng cường tổ chức thảo luận về các chuyên đề do Bộ GDĐT quy định. Hồ sơ, sổ sách chuyên môn theo quy định tại Điều lệ trường học, bảo quản, lưu trữ khá đầy đủ¹⁴. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong soạn giảng, làm hồ sơ được nhà trường triển khai thực hiện đồng bộ (100% giáo viên soạn giáo án trên máy vi tính, đa số giáo viên biết xây dựng bài giảng ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học).

Quản lý chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ:

Trong thời kỳ thanh tra, 100% trẻ ăn bán trú tại trường, được cân đo, theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định; tăng cường các giải pháp chăm sóc sức khỏe, phòng chống dịch bệnh, phòng chống suy dinh dưỡng, giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân, thấp còi, thừa cân béo phì và được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp. Cuối các năm học giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân và thấp còi từ 1,2-3,5% so với đầu năm học (hiện tại, Trường không có trẻ thừa cân, béo phì).

Năm học 2023-2024, tiền ăn của trẻ 20.000 đồng/trẻ/ngày. Có 02 bếp ăn được xây dựng, vận hành theo quy trình bếp một chiều; trang bị dụng cụ phục vụ công tác bán trú khá đầy đủ (bếp điểm trường Trung tâm và Yên Tế). Thực hiện quản lý chặt chẽ chất lượng bữa ăn của trẻ; duy trì tốt công tác vệ sinh trường, lớp; đảm bảo nguồn nước sạch sinh hoạt cho cô và trẻ theo quy định¹⁵.

là 9.545.000 đồng; quỹ “Phòng chống thiên tai” là 1.392.000 đồng. Trong thời kỳ thanh tra, có 21 CBGVNV tham gia phong trào hiến máu tình nguyện.

¹² Năm học 2021-2022, Đơn vị được Giám đốc sở GDĐT tỉnh Ninh Bình tặng “Giấy khen” Tập thể hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2021-2022, có 04 cá nhân đạt Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở”, 05 cá nhân được Chủ tịch UBND huyện tặng “Giấy khen”; 16 cá nhân đạt danh hiệu “Lao động Tiên tiến”. Năm học 2022-2023, có 01 cá nhân được Chủ tịch UBND tỉnh tặng “Bằng khen”, 05 cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở”, 11 cá nhân được Chủ tịch UBND huyện tặng “Giấy khen”; 15 cá nhân đạt danh hiệu “Lao động Tiên tiến”.

¹³ Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học; Kế hoạch NDCSGD năm học (Kế hoạch số 94a/KH-TrMN ngày 15/9/2021; Kế hoạch số 94/KH-TrMN ngày 31/8/2022; Kế hoạch số 122/KH-TrMN ngày 31/8/2023). Chuyên đề xây dựng trường MN lấy trẻ làm trung tâm; Chuyên đề tối ưu Việt Nam; Giáo dục phát triển vận động; Giáo dục bảo vệ môi trường; tổ chức các hoạt động khám phá cho trẻ.

¹⁴ Kế hoạch NDCSGD trẻ của nhà trường; sổ tổng hợp kết quả theo dõi cân đo trẻ; kế hoạch bồi dưỡng giáo viên; biên bản họp chuyên môn. Hồ sơ tổ chuyên môn gồm (Kế hoạch hoạt động; Sổ ghi chép nội dung sinh hoạt chuyên môn của tổ). Hồ sơ của giáo viên gồm (Kế hoạch NDCSGD của nhóm trẻ, lớp mẫu giáo; Sổ theo dõi trẻ em; Sổ theo dõi tài sản, thiết bị, đồ chơi của nhóm trẻ, lớp mẫu giáo). Hồ sơ nuôi dưỡng gồm (Hợp đồng thực phẩm; Sổ báo ăn; Sổ tính khẩu phần ăn; Sổ xuất nhập kho lương thực, thực phẩm; Sổ kiểm thực 3 bước; Sổ lưu mẫu thức ăn; Sổ kiểm kê kho quỹ).

¹⁵ Trường ký hợp đồng thực phẩm với Công ty TNHH thực phẩm sạch An Phước; phân công kiểm tra, giám sát, kiểm soát chặt chẽ nguồn thực phẩm và bữa ăn hàng ngày của trẻ; thực hiện kiểm thực 3 bước và lưu mẫu thức ăn hàng ngày; công khai, minh bạch chế độ ăn trong ngày của trẻ...; Hợp đồng với Công ty nước sạch và vệ sinh Nông thôn Ninh Bình

Nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình GDMN:

Các giải pháp nâng cao chất lượng thực hiện chương trình GDMN có hiệu quả, như: tạo môi trường an toàn cho trẻ hoạt động (tận dụng không gian, thiết kế môi trường trong lớp và ngoài trời cho trẻ vui chơi, trải nghiệm); phối hợp chặt chẽ với phụ huynh trong việc NDCSGD trẻ; tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn Online, đăng tải trên trang Thông tin điện tử của nhà trường, Zalo nhóm,..., loa phát thanh của trường; hoàn thiện góc tuyên truyền ở nhóm lớp; quan tâm hình thức tuyên truyền thông qua tổ chức hoạt động thực tiễn¹⁶.

Giáo viên chú trọng đổi mới phương pháp giáo dục, tăng cường khuyến khích trẻ sáng tạo trong mọi hoạt động; sáng tạo trong việc xây dựng và khai thác hiệu quả môi trường hiện có để dạy trẻ; đẩy mạnh việc tổ chức chuyên đề và lồng ghép các nội dung giáo dục vào Chương trình NDCSGD trẻ¹⁷. Trẻ khuyết tật học hòa nhập được quan tâm chăm sóc, giáo dục theo quy định.

Đa số trẻ phát triển khỏe mạnh, tích cực, hứng thú với các hoạt động giáo dục; mạnh dạn, tự tin, thực hiện các kỹ năng vận động; phối hợp các giác quan tham gia tìm tòi, khám phá môi trường xung quanh. Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN trong các năm học đạt 100%.

*** Tồn tại, hạn chế:**

Sân trường khu Trung tâm chưa được quy hoạch các khu vực chơi, chưa có hệ thống cây bóng mát, chưa có sân khấu ngoài trời, đồ chơi còn ít nên khó khăn trong việc tổ chức các hoạt động vui chơi, trải nghiệm cho trẻ.

Việc sử dụng nguyên vật liệu thiên nhiên cho trẻ thực hành trải nghiệm tại các góc, khu vực chơi ngoài trời còn ít. Nội dung sinh hoạt tổ chuyên môn chưa phong phú, ít chú trọng vào các vấn đề trọng tâm về đổi mới phương pháp dạy học hay việc tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc cho giáo viên trong tổ.

2. Thực hiện quy định về xây dựng trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích, phòng chống bạo hành trẻ

Đầu các năm học, Trường tổ chức rà soát, đánh giá các tiêu chí về an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích (ATPCTNTT); xây dựng kế hoạch, có phương án xử trí, khắc phục tiêu chí được đánh giá “chưa đạt”; cuối năm học tổ chức tự đánh giá kết quả xây dựng trường học ATPCTNTT, báo cáo kết quả thực hiện theo quy định tại Thông tư số 45/2021/TT-BGDĐT ngày 31/12/2021 của Bộ GDĐT quy định về việc xây dựng trường học ATPCTNTT trong cơ sở GDMN¹⁸. Trường thực hiện tốt nội dung chuyên đề “Đẩy mạnh phòng chống bạo hành trẻ em” theo quy định.

(Hợp đồng số 9009/2016/HĐ-NSNT ngày 06/05/2016; số 8463/2016/HĐ-NSNT ngày 05/05/2016). Hợp đồng nước sạch tinh khiết với công ty cổ phần Đầu tư phát triển Hoàng Dương theo (HĐ số 35/HĐKT/2022 ngày 10/4/2022).

¹⁶ Ngày hội/ngày lễ của trẻ, các buổi thăm quan, dã ngoại, các hoạt động trải nghiệm nhân dịp Tết Trung thu, Tết Nguyên đán, ngày hội thể dục thể thao....

¹⁷ Chuyên đề “Xây dựng trường MN lấy trẻ làm trung tâm” giai đoạn 2021-2025; chuyên đề “Tôi yêu Việt Nam”; chuyên đề “Nâng cao chất lượng giáo dục phát triển vận động cho trẻ MN”; lồng ghép giáo dục bảo vệ môi trường, thích ứng với môi trường và biến đổi khí hậu, bảo vệ an toàn bản thân...

¹⁸ Biên bản rà soát đánh giá các tiêu chí về trường học ATPCTNTT (Biên bản ngày 08/10/2021; 26/8/2022; 26/08/2023). Xây dựng kế hoạch trường học ATPCTNTT các năm học (Kế hoạch số 54/KH-TrMN ngày 27/09/2021; số 63/KH-TrMN ngày 10/09/2022; số 68/KH-TrMN ngày 08/09/2023); xây dựng các phương án: đảm an ninh trật tự, an toàn giao thông; phòng, chống tai nạn thương tích, đuối nước; phòng chống bạo hành, xâm hại; phòng tránh trẻ bị thất lạc; phòng,

Trong thời kỳ thanh tra, Trường đã đầu tư kinh phí cho công tác xây dựng trường học ATPCTNTT với tổng số tiền 89.868.200 đồng (mua sắm thiết bị phòng y tế, sửa chữa đồ chơi ngoài trời, lắp hệ thống Camera an ninh,...); CBGVNV thực hiện cơ bản đảm bảo các nội dung theo quy định¹⁹; trẻ em được bảo vệ, được đối xử công bằng; không xảy ra tai nạn thương tích; không bị bạo hành, xâm hại, được tạo điều kiện để phát triển toàn diện phù hợp với độ tuổi, giới tính và khả năng của bản thân.

Tồn tại, hạn chế:

Tại thời điểm thanh tra, một số tiêu chí chưa đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 45/2021/TT-BGDĐT ngày 31/12/2021: điểm trường khu Trung tâm (sân chơi chưa bằng phẳng, chưa có hệ thống biển chỉ dẫn các vị trí, khu vực vui chơi bằng ký hiệu phù hợp với nhận thức của trẻ (Tiêu chí 3); hệ thống cây xanh còn ít, chưa tạo bóng mát (Tiêu chí 4); chưa có thiết bị vệ sinh dành cho trẻ khuyết tật (Tiêu chí 21); chưa đủ giáo viên (Tiêu chí 38)).

III. Các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục

- Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học (tại thời điểm thanh tra):

Đơn vị có 02 điểm trường đang phục vụ trực tiếp cho hoạt động NDCSGD trẻ, có kết nối giao thông thuận lợi cho việc đưa đón trẻ em; tổng diện tích đất đang sử dụng (là 14778,5 m², bình quân 20,8 m²/01 trẻ (khu Trung tâm và khu Yên Tế).

Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của các điểm trường đang sử dụng cơ bản đáp ứng yêu cầu dạy và học theo quy định tại Điều lệ trường học; Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ GDĐT quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học: khối phòng hành chính quản trị (07 phòng, 01 khu vệ sinh dành cho CBGVNV; 02 khu để xe của CBGVNV); khối phòng NDCSGD trẻ em, có 18 phòng NDCSGD cho trẻ/26 nhóm, lớp (trong đó 10 phòng ngủ/18 phòng NDCSGD, 18 khu vệ sinh khép kín, 18 hiên chơi, đón trẻ, 18 kho nhóm, lớp); 01 phòng giáo dục thể chất, 01 phòng giáo dục nghệ thuật; 02 sân chơi; khối phòng tổ chức ăn (02 nhà bếp, 01 kho bếp); khối phụ trợ (phòng Y tế, 01 nhà kho, 02 sân vườn dành riêng cho trẻ khám phá, trải nghiệm, có cổng, biển, tường bao xung quanh khuôn viên trường); hạ tầng kỹ thuật (02 hệ thống cấp nước sạch, 02 hệ thống cấp điện, 02 hệ thống phòng cháy, chữa cháy và tiêu lệnh chữa cháy, 02 hạ tầng công nghệ thông tin, liên lạc và 02 khu thu gom rác thải).

Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi học liệu: có 14 thiết bị dùng chung, có 2.558 thiết bị phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ (trong đó có 2467 thiết bị quy định đồ dùng, thiết bị dạy học tối thiểu cho các nhóm, lớp); 05 thiết bị phòng giáo nghệ thuật, 02 thiết bị cho 01 phòng giáo dục thể chất; 04 danh mục thiết bị phòng họp CBGVNV (có 80 ghế đủ chỗ ngồi cho CBGVNV); 06 thiết bị phòng y tế; 35 thiết bị đồ chơi ngoài trời; 22 thiết bị đồ dùng nhà ăn, nhà bếp; 17 thiết bị văn phòng.

chống cháy, nổ; ứng phó với dịch bệnh, thảm họa, thiên tai trong nhà trường. Biên bản tự đánh giá kết quả xây dựng trường học ATPCTNTT. Báo cáo sơ kết việc thực hiện xây dựng trường học ATPCTNTT (Báo cáo số: 06/BC-TrMN ngày 06/01/2022, số: 175/BC-TrMN ngày 31/12/2022). Báo cáo tổng kết việc thực hiện xây dựng trường học ATPCTNTT (Báo cáo số: 60/BC-TrMN, ngày 01/6/2022; số 68/BC-TrMN, ngày 30/5/2023).

¹⁹ Bảo đảm môi trường giáo dục an toàn; nâng cao nhận thức, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho CBGVNV; hoạt động truyền thông; huy động sự tham gia của gia đình và cộng đồng và giáo dục kiến thức, kỹ năng bảo đảm an toàn cho trẻ em

- *Việc tiếp nhận tài sản, thiết bị, đồ dùng, học liệu theo quy định của cấp học (số lượng, chất lượng, kinh phí, nguồn gốc hình thành tài sản):*

Năm học 2021-2022, tổng kinh phí đầu tư là 441.773.000 đồng (kinh phí trích từ nguồn ngân sách), trong đó: sửa chữa cơ sở vật chất, điện nước, đồ chơi ngoài trời với số tiền là 29.055.000 đồng; mua máy rửa tay sát khuẩn, lắp lưới chắn côn trùng nhà bếp điểm trường Yên Tế, trang bị bàn ghế học sinh, tủ đựng đồ dùng cá nhân cho trẻ, mua thảm cỏ nhân tạo, Tivi cho các lớp và làm vườn cổ tích với số tiền là 412.718.000 đồng.

Năm học 2022-2023, tổng kinh phí đầu tư là 15.725.063.920 đồng, trong đó: xây mới 10 phòng học, khu hiệu bộ, nhà dinh dưỡng, nhà bảo vệ khu Trung tâm với số tiền là 15.000.000.000 đồng (kinh phí được UBND huyện đầu tư); mua sắm, trang bị đồ dùng loa đài, bảng biểu văn phòng, máy tính, laptop, máy in, phong văn phòng,.. với tổng số tiền 250.338.420 đồng (kinh phí trích từ nguồn ngân sách nhà nước); mua sắm thiết bị phục vụ chăm sóc bán trú với tổng số tiền 76.940.000 đồng (kinh phí trích từ nguồn ngân sách nhà nước); mua sắm đồ dùng thiết bị dạy học với tổng số tiền 325.864.500 đồng (kinh phí trích từ nguồn ngân sách nhà nước); sửa chữa hệ thống điện, nước với số tiền là 71.921.000 đồng (trong đó kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước là 30.892.000 đồng và 41.029.000 đồng kinh phí trích từ 60% nguồn thu học phí).

Năm học 2023-2024, tổng kinh phí đầu tư là 3.083.401.700 đồng: cải tạo sửa chữa, ốp lát, thay thế trang thiết bị 05 phòng học (điểm trường Khu Yên Tế); bản mái tôn sân nhà dinh dưỡng, làm rãnh thoát nước, lát gạch sân khu Yên Tế là 2.921.540.000 đồng (kinh phí được UBND xã Yên Đồng đầu tư); mua sắm, trang bị đồ dùng, như: tủ đựng chăn màn chiếu, rèm cửa văn phòng, hệ thống camera, rèm chống nắng,.. với tổng số tiền 161.861.700 đồng (trong đó kinh phí đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước là 63.600.000 đồng và 98.261.700 đồng kinh phí trích từ 60% nguồn thu học phí).

Các hạng mục công trình được xây dựng, sửa chữa, cải tạo và các thiết bị được mua sắm đảm bảo quy cách, chất lượng đúng so với hợp đồng xây dựng, sửa chữa, hợp đồng mua sắm tài sản và biên bản giao, nhận tài sản, thiết bị cho nhà trường.

- *Việc quản lý, sử dụng tài sản:* Tài sản của nhà trường được quản lý, thống kê, kê toán đầy đủ về hiện vật và giá trị. Hằng năm, nhà trường kiểm kê, thống kê tài sản cố định, công cụ dụng cụ, thiết bị đồ dùng (có biên bản kiểm kê tài sản đối với nhóm, lớp; thành lập tổ khảo sát thực trạng và tổng hợp đề nghị thanh lý tài sản hư hỏng, có phiếu đề nghị thanh lý, ...); thực hiện việc rà soát những tài sản có nguy cơ mất an toàn, đã cũ và xây kế hoạch mua sắm, sửa chữa²⁰. Kinh phí chi cho đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm thiết bị đúng quy định. Tài sản tiếp nhận, mua sắm được công khai, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, đúng đối tượng, đúng mục đích. Năm học 2023-2024, Trường đưa nội dung kiểm tra việc quản lý, sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị vào

²⁰ Kế hoạch xây dựng kế hoạch mua sắm, sửa chữa cơ sở vật chất trang thiết bị ĐDDC Phục vụ cho công tác CSNDGD trẻ trong năm học: Kế hoạch Số 141/KH-TrMN ngày 25/10/2021; Kế hoạch Số 104b/KH-TrMN ngày 31/8/2022; Kế hoạch Số 99/KH-TrMN ngày 21/8/2023

Kế hoạch kiểm tra nội bộ các năm học. Hồ sơ tài sản nhà trường được lưu giữ cơ bản đảm bảo quy định²¹

- *Thực hiện quy định việc lựa chọn, khai thác, sử dụng đồ chơi, học liệu theo quy định tại Thông tư số 47/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT*: nhà trường đã căn cứ vào yêu cầu, nguyên tắc lựa chọn đồ chơi, học liệu; căn cứ kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học, kế hoạch thực hiện chủ đề, chuyên đề do Bộ GDĐT quy định và thực hiện các hoạt động NDCSGD trẻ em, tiến hành rà soát, phân loại đồ chơi, học liệu hiện có. Trên cơ sở danh mục đồ chơi, học liệu do giáo viên và cán bộ quản lý đề xuất, Hiệu trưởng thành lập tổ mua sắm, lựa chọn đồ chơi, học liệu thực hiện theo đúng quy định²².

*** Tồn tại, hạn chế:**

Tại thời điểm thanh tra, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của nhà trường chưa đầy đủ theo quy định:

Điểm trường khu Trung tâm (do đang trong quá trình hoàn thiện công trình) nên sân chơi chưa bằng phẳng, chưa có sân khấu ngoài trời, chưa trồng cây xanh; chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 2, Điều 147, Luật Đất đai ngày 29/11/2013.

Điểm trường khu Thống Nhất (do đang trong quá trình xây dựng), còn nhiều hạng mục công trình chưa hoàn thành.

Điểm trường khu Yên Tế phía sau dãy nhà 02 phòng học có đoạn tường bao dài khoảng 50m đã xuống cấp, khoảng sân cạnh lớp 5 tuổi A không bằng phẳng, không đảm bảo an toàn cho trẻ.

Trường thiếu 08 phòng học nên phải bố trí cho 08 lớp học tạm ở các phòng ngủ của 08 lớp ở điểm trường khu Trung tâm; thiếu một số thiết bị, đồ dùng dạy học theo quy định²³: thiếu 11 thiết bị dùng chung; 458 thiết bị phòng NDCSGD (trong đó thiếu 230 thiết bị quy định đồ dùng, thiết bị dạy học tối thiểu cho các nhóm, lớp); 11 thiết bị phòng giáo dục nghệ thuật; 06 thiết bị phòng giáo dục thể chất; 05 danh mục thiết bị phòng họp CBGVNV; 12 thiết bị phòng y tế; 171 thiết bị đồ chơi ngoài trời; 14 thiết bị đồ dùng nhà bếp; 09 thiết bị văn phòng.

IV. Việc thực hiện quy định về thu, quản lý, sử dụng học phí; các nguồn lực tài chính khác và việc thực hiện chế độ chính sách đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên, người lao động

²¹ Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công; các biên bản kiểm kê, biên bản kiểm tra tài sản, thiết bị; các biên bản thanh lý công cụ dụng cụ; sổ theo dõi tài sản (tài sản cố định, công cụ dụng cụ, đồ dùng mau hỏng,...); các biên bản giao.

²² Quyết định về việc thành lập tổ mua sắm, giám sát và lựa chọn đồ dùng, đồ của trường học trong năm học: Quyết định số 140c/QĐ-TrMN ngày 25/10/2021; Quyết định số 104a/QĐ-TrMN ngày 31/8/2022; Quyết định số 98/QĐ-TrMN ngày 21/8/2023.

²³ Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ GDĐT ban hành quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường MN, TH, THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học; Thông tư số 02/2010/TT-BGDĐT ngày 11/02/2010 ban hành đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu cho GDMN; Thông tư số 34/2013/TT-BGDĐT ngày 17/9/2013 của Bộ GDĐT sửa đổi bổ sung một số thiết bị quy định tại danh mục đồ dùng, đồ chơi, thiết bị tối thiểu cho GDMN ban hành kèm theo Thông tư số 02/2010/TT-BGDĐT ngày 11/02/2010 của Bộ trưởng Bộ GDĐT; Thông tư số 32/2012-BGDĐT ngày 14/9/2022 ban hành thiết bị đồ chơi ngoài trời; Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị. Quyết định số 652/QĐ-SGDĐT ngày 27/9/2022 của Sở GDĐT về việc ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực và đào tạo trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

1. Việc thực hiện quy định về thu, quản lý, sử dụng học phí; các nguồn lực tài chính khác

a) Việc triển khai, thực hiện các văn bản quy định của các cấp về thu, quản lý sử dụng học phí và các nguồn lực tài chính khác

Nhà trường bám sát vào các văn bản chỉ đạo của các cấp²⁴; đầu các năm học xây dựng kế hoạch các khoản thu, có dự toán thu, chi; thực hiện phổ biến, thống nhất các khoản thu trong cuộc họp với cha mẹ trẻ đầu năm học; cuối các năm học có báo cáo quyết toán các khoản thu, chi, thực hiện công khai theo quy định²⁵

Học phí thu được đã thực hiện nộp qua kho bạc nhà nước đầy đủ, trích 40% nguồn thu học phí để thực hiện cải cách tiền lương theo quy định của Chính phủ, 60% chi hoạt động chuyên môn, có sử dụng hóa đơn điện tử theo quy định của Bộ Tài Chính. Năm học 2021-2022 (do trẻ nghỉ dịch Covid-19 nên học kỳ I, thu 3 tháng 8 ngày; học kỳ II, thu 1 tháng 14 ngày); tổng thu 216.222.200 đồng, tổng chi hết 216.222.200 đồng (trong đó có số tiền đã trả lại cha mẹ trẻ: 56.376.500 đồng do có công văn số 1754/SGDĐT-KHTC ngày 31/12/2021 hướng dẫn quy định về khu vực thực hiện mức thu học phí đối với GDMN, GDPT và GDTX năm học 2021-2022 quy định mức thu học phí học kỳ I vẫn thực hiện theo mức cũ đối với nhà trẻ là 57.000 đồng/tháng/trẻ, mẫu giáo là 51.000 đồng/tháng/trẻ). Thực hiện trích 40% cải cách

²⁴ Nghị quyết số 39/2021/NQ-HĐND ngày 29/7/2021 quy định các khoản thu dịch vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí trong cơ sở GDMN cơ sở GDPT công lập trên địa bàn tỉnh NB; Nghị quyết số 41/2021/NQ-HĐND ngày 29/7/2021 quy định mức học phí đối với GDMN, GDPT và GDTX từ năm học 2021-2022 của tỉnh NB; Công văn số 1046/SGDĐT-KHTC ngày 27/8/2021 hướng dẫn thực hiện các khoản thu chi trong trường học năm học 2021-2022; Công văn số 301/PGDĐT-VP ngày 08/9/2021 của Phòng GDĐT Yên Mô hướng dẫn thu, quản lý và sử dụng các khoản thu trong trường học năm học 2021-2022; Công văn số 1139/SGDĐT-KHTC ngày 14/9/2021 sửa đổi bổ sung hướng dẫn thực hiện các khoản thu, chi trong trường học năm học 2021-2022; Nghị quyết số 134/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 về sửa đổi khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 41/2021/NQ-HĐND ngày 29/7/2021 quy định mức học phí đối với GDMN, GDPT, GDTX từ năm học 2021-2022 của tỉnh NB; Công văn số 1754/SGDĐT-KHTC ngày 31/12/2021 hướng dẫn quy định về khu vực thực hiện mức thu học phí đối với GDMN, GDPT, GDTX. Công văn 1248/SGDĐT-KHTC ngày 09/9/2022 hướng dẫn các khoản thu chi trong trường học năm 2022-2023. Nghị quyết số 101/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 quy định các khoản thu dịch vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong cơ sở GDTX công lập trên địa bàn tỉnh NB; Công văn số 1297/SGDĐT-KHTC ngày 06/9/2023 hướng dẫn thực hiện các khoản thu, chi trong trường học năm học 2023-2024; Công văn số 221/PGDĐT ngày 11/9/2023 triển khai hướng dẫn thực hiện các khoản thu, chi; đẩy mạnh thanh toán học phí và các khoản dịch vụ giáo dục theo phương thức thanh toán không dùng tiền mặt trong trường MN, TH và THCS, năm học 2023-2024.

²⁵ Năm học 2021-2022: Kế hoạch số 114/KH-TrMN ngày 14/10/2021; Kế hoạch số 05/KH – TrMN ngày 05/01/2022 về việc triển khai các khoản thu, quản lý và sử dụng các khoản thu năm học 2021- 2022 (Học phí nhà trẻ: 85.000 đồng/trẻ/tháng; mẫu giáo: 73.000 đồng/trẻ/tháng ; tiền ăn của trẻ 18.000 đồng/trẻ/ngày; tiền thuê nhân viên nấu ăn 70.000 đồng/trẻ/tháng; tiền điện 12.000 đồng/trẻ/tháng, tiền nước 11.000 đồng/trẻ/tháng và tiền vệ sinh trường lớp 16.000 đồng/trẻ/tháng (chi thu học kỳ I); tiền mua bổ sung đồ dùng chăm sóc trẻ ăn bán trú 200.000 đồng/trẻ/năm (trẻ mới đi học năm đầu), 100.000 đồng/trẻ/năm (trẻ đã đi học từ các năm học trước). Báo cáo số 60A/BC- TrMN ngày 01/6/2022 về việc báo cáo quyết toán các khoản thu, chi năm học 2021- 2022.

Năm học 2022-2023: Kế hoạch số KH số 117/KH- TrMN ngày 20/9/2022 triển khai các khoản thu, khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục năm học năm học 2022-2023 (học phí nhà trẻ: 85.000 đồng/trẻ/tháng, mẫu giáo: 73.000 đồng/trẻ/tháng; tiền ăn của trẻ 18.000 đồng/trẻ/ngày; tiền thuê LĐHĐ nấu ăn 72.000 đồng/trẻ/tháng; tiền vệ sinh trường lớp 16.000 đồng/trẻ/tháng; tiền mua bổ sung đồ dùng chăm sóc trẻ ăn bán trú 200.000 đồng/trẻ/năm (trẻ mới đi học năm đầu), 100.000 đồng/trẻ/năm (trẻ đã đi học từ các năm học trước). Báo cáo số 69/BC- TrMN ngày 30/5/2023 về việc báo cáo quyết toán các khoản thu, chi năm học 2022- 2023.

Năm học 2023-2024: Kế hoạch số 186/KH-TMN ngày 02/10/2023 các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục năm học 2023-2024 (tiền ăn của trẻ 20.000 đồng/trẻ/ngày; tiền thuê LĐHĐ nấu ăn 90.000 đồng/trẻ/tháng; tiền điện 15.000 đồng/trẻ/tháng (thu 5 tháng, từ học kỳ 2 nhà trường mới thu); tiền vệ sinh trường lớp, khu vệ sinh 20.000 đồng/trẻ/tháng; tiền mua bổ sung đồ dùng chăm sóc trẻ ăn bán trú 250.000 đồng/trẻ/năm (trẻ mới đi học năm đầu), 100.000 đồng/trẻ/năm (trẻ đã đi học từ các năm học trước); Tiền hỗ trợ trực trưa 60.000đ/trẻ/tháng (thu 5 tháng, từ học Kỳ II nhà trường mới thu).

tiền lương: 63.938.280 đồng, 60% chi hoạt động chuyên môn: 95.907.420 đồng. Năm học 2022-2023 (thu 09 tháng); tổng thu 512.530.000 đồng, chi hết 512.530.000 đồng (thực hiện trích 40% cải cách tiền lương với số tiền 205.012.000 đồng, chi hoạt động chuyên môn là 60% 307.518.000 đồng). Năm học 2023-2024, tại thời điểm thanh tra), Trường chưa triển khai thu do chưa có văn bản hướng dẫn thu học phí của Sở GDĐT Ninh Bình.

b) Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục

Năm học 2021-2022, tổng kinh phí thu là 1.658.750.000 đồng (trong đó dư năm học trước chuyển sang: 1.071.400 đồng, thu trong năm học: 1.657.678.600 đồng), đã chi hết 1.658.166.848 đồng, còn dư chuyển năm học 2022-2023: 583.152 đồng. Năm học 2022-2023, tổng kinh phí thu là 2.806.067.152 đồng (trong đó dư năm học trước chuyển sang: 583.152 đồng, thu trong năm học: 2.805.484.000 đồng), chi hết 2.805.483.955 đồng, còn dư chuyển năm học 2023-2024: 583.197 đồng.

Năm học 2023-2024 (tính đến tháng 10/2023), tổng thu tiền ăn là 506.880.097 đồng (trong đó dư tiền ăn năm trước chuyển sang: 97 đồng, thu tiền ăn từ đầu năm đến thời điểm thanh tra: 506.880.000 đồng), đã chi tiền ăn: 204.903.700 đồng, còn lại 301.976.397 đồng; các khoản thu khác nhà trường chưa tiến hành thu.

c) Kinh phí hoạt động của Ban đại diện cha mẹ trẻ em

Kinh phí hoạt động của BĐDCMTE có được từ sự ủng hộ tự nguyện của cha mẹ trẻ em; năm học 2021-2022, kinh phí của BĐDCMTE trường do BĐDCMTE các lớp trích từ kinh phí hoạt động của các BĐDCMTE lớp với số tiền là 18.925.000 đồng (đã chi hết trong năm học theo quy định kinh phí hoạt động của Ban); năm học 2022-2023, kinh phí của BĐDCMTE trường do BĐDCMTE các lớp trích từ kinh phí hoạt động của các BĐDCMTE lớp với số tiền là 26.510.000 đồng (đã chi hết trong năm học theo quy định kinh phí hoạt động của Ban); năm học 2023-2024, BĐDCMTE các lớp chưa thực hiện thu.

d) Các khoản thu khác (Bảo hiểm thân thể,...)

Nhà trường đã hợp, thống nhất với cha mẹ trẻ thực hiện việc thu hộ tiền Bảo hiểm của trẻ theo hợp đồng với các Công ty bảo hiểm. Năm học 2021-2022, mức đóng 150.000 đồng/trẻ/năm với 719 trẻ tham gia, tổng số tiền là: 107.850.000 đồng. Năm học 2022-2023 mức đóng 150.000 đồng/trẻ/năm với 631 trẻ tham gia, tổng số tiền là: 93.975.000 đồng. Năm học 2023-2024, mức thu 200.000 đồng/trẻ/năm với 643 trẻ tham gia, tổng số tiền là: 122.400.000 đồng. Số tiền thu được, Trường đã nộp cho Công ty Bảo hiểm Mic; SHB; Bảo Minh theo quy định của hợp đồng.

Tồn tại, hạn chế:

Một số chứng từ chi hóa đơn mua nước, văn phòng phẩm, có hóa đơn bán lẻ trên 200.000 đồng, chưa đúng quy định của Bộ tài chính (phần kinh phí hoạt động của Ban ĐDCMTE nhà trường).

2. Thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên



Trong thời kỳ thanh tra, Trường đã bám sát các văn bản chỉ đạo của cấp có thẩm quyền²⁶, thực hiện chế độ chính sách đối với CBGVNV, người lao động trong nhà trường theo quy định.

Chi trả đúng hệ số phụ cấp chức vụ lãnh đạo trong nhà trường, từ tháng 01/2021 đến tháng 8/2022, có 08 lãnh đạo (Hiệu trưởng, 02 Phó Hiệu trưởng, 02 Tổ trưởng CM, 02 Tổ Phó CM và Tổ Trưởng tổ văn phòng). Từ tháng 8/2022 đến tháng 9/2023, có 07 lãnh đạo (Hiệu trưởng, 02 Phó Hiệu trưởng, 02 Tổ trưởng CM, 02 tổ phó chuyên môn). Từ tháng 10/2023, có 08 lãnh đạo (Hiệu trưởng, 02 Phó Hiệu trưởng, 02 Tổ trưởng chuyên môn và Tổ trưởng tổ văn phòng, 02 tổ phó chuyên môn).

Thực hiện chế độ phụ cấp thâm niên nhà giáo, năm 2021 là 37 nhà giáo; từ tháng 01 đến tháng 12/2022: 36 nhà giáo; từ tháng 01/2023 đến tháng 10/2023: 42 nhà giáo.

Phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo đang trực tiếp giảng dạy: năm 2021 là 48 nhà giáo; 2022: 47 nhà giáo; từ tháng 01 đến tháng 10/2023 là 47 nhà giáo.

Số CBGVNV được nâng lương thường xuyên (năm 2021: 18 CBGVNV; 2022: 08 CBGVNV; từ 01/2023 đến tháng 10/2023: 09 CBGVNV); số người nâng lương trước thời hạn do lập thành tích (năm 2021: 05 CBGVNV; 2022: 06 CBGVNV; từ 01/2023 đến tháng 10/2023: 05 CBGVNV)

Chi trả chế độ cán bộ, giáo viên nghỉ thai sản (năm học 2021-2022: 06 giáo viên; 2022-2023: 02 giáo viên; từ đầu năm học 2023-2024 đến thời điểm thanh tra: 01 giáo viên)

Chi trả phụ cấp ưu đãi giảng dạy người khuyết tật: tại thời điểm thanh tra, Trường chưa chi trả chế độ hỗ trợ cho giáo viên giảng dạy trẻ khuyết tật do chưa có văn bản thông báo duyệt hồ sơ chi trả chế độ từ cấp trên (dạy 01 trẻ khuyết tật năm học 2023-2024).

Nhà trường đã thực hiện đúng việc giảm định mức giờ dạy cho giáo viên làm Chủ tịch công đoàn cơ sở không chuyên trách (giảm 03 giờ dạy trong một tuần); đối với giáo viên làm công tác kiêm nhiệm Bí thư đoàn Thanh niên kiêm thư ký Hội đồng trường (giảm 01 giờ dạy trong một tuần); đối với Trưởng ban thanh tra nhân dân, tổ trưởng tổ chuyên môn (giảm 01 giờ dạy trong một tuần). Số giờ còn lại chưa giảm đối với các chức danh kiêm nhiệm khác, Trường đã bố trí hoán đổi giờ làm (Phó hiệu trưởng lên lớp dạy thay cho cán bộ làm hồ sơ, sổ sách tại nhà trường về công việc được giao kiêm nhiệm).

²⁶ Hệ số phụ cấp chức vụ lãnh đạo theo Thông tư số 33/2005/TT-BGDĐT ngày 08/12/2005 của Bộ GDĐT hướng dẫn tạm thời thực hiện chế độ phụ cấp chức vụ lãnh đạo trong CSGD công lập (Hiệu Trưởng: hệ số 0,5; 02 Phó Hiệu trưởng: hệ số 0,35; 02 Tổ Trưởng tổ chuyên môn và Tổ Trưởng tổ văn phòng: hệ số 0,2; 02 Tổ Phó tổ CM: hệ số 0,15). Chế độ phụ cấp thâm niên nhà giáo theo Theo Nghị định số 77/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính phủ quy định phụ cấp chế độ thâm niên nhà giáo. Chế độ ưu đãi đối với các nhà giáo theo Thông tư số 01/2006/TTLT-BGD-BNV-BTC ngày 23/01/2006 về chế độ ưu đãi đối với các nhà giáo đang trực tiếp giảng dạy trong các cơ sở giáo dục công lập. Chế độ nâng bậc lương và phụ cấp thâm niên vượt khung đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động một số điều tại Thông tư số 08/2013/TT-BNV ngày 31/7/2013 và Thông tư số 04/2005/TT-BNV ngày 05/01/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ. Chế độ CBGV nghỉ thai sản theo Luật Bảo hiểm xã hội số 58/2014/QH13 ngày 20/11/2014. Việc giảm định mức giờ dạy cho các chức danh kiêm nhiệm theo quy định tại Thông tư số 08/2016/TT-BGDĐT ngày 28/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Theo quy định tại Thông tư số 48/2011/TT-BGDĐT ngày 25/10/2011 của Bộ GDĐT.

Việc chi trả lương làm thêm giờ của cán bộ, giáo viên trực bán trú (buổi trực 02 giờ trưa/người/ngày): Trường phân công CBGVNV trực bán trú ở các nhóm, lớp hợp lý. Học kỳ I năm học 2021-2022 mức chi trả là 30.000 đồng/người/buổi trực; từ học kỳ II năm học 2021-2022 đến thời điểm thanh tra mức chi trả là 70.000 đồng/người/buổi trực (nguồn chi trả từ nguồn ngân sách nhà nước); có bảng phân công, chấm công và bảng chi trả tiền công CBGVNV trực hàng tháng.

Hiện tại, đơn vị có 53/69 CBGVNV tham gia BHYT-BHXH-BHTN, 16/69 nhân viên (nuôi dưỡng, bảo vệ) không tham gia BHXH (có bản cam kết không tham gia).

Nhà trường thực hiện các chế độ chính sách đối với người học đúng theo quy định²⁷; có lưu trữ hồ sơ chi trả chế độ của trẻ. Năm học 2021-2022: miễn học phí (học kỳ 1: 06 trẻ, học kỳ 2: 19 trẻ); giảm học phí (học kỳ 1: 20 trẻ, học kỳ 2: 20 trẻ); hỗ trợ ăn trưa (học kỳ 1: 26 trẻ, học kỳ 2: 39 trẻ); hỗ trợ chi phí học tập (học kỳ 1: 06 trẻ, học kỳ 2: 19 trẻ). Năm học 2022-2023: miễn học phí (học kỳ 1: 18 trẻ, học kỳ 2: 18 trẻ); giảm học phí (học kỳ 1: 15 trẻ, học kỳ 2: 14 trẻ); hỗ trợ ăn trưa (học kỳ 1: 33 trẻ, học kỳ 2: 32 trẻ); hỗ trợ chi phí học tập (học kỳ 1: 18 trẻ, học kỳ 2: 18 trẻ).

Chi trả tiền lương LĐHĐ hợp đồng bảo vệ: năm 2021, bình quân 1.490.000 đồng/tháng/người (kinh phí chi trích từ 60% nguồn thu học phí). Từ tháng 01/2022 đến tháng 03/2022: từ 2.000.000 đồng đến 3.070.000 đồng/tháng/người (kinh phí chi trích từ 60% nguồn thu học phí). Từ tháng 4/2022 đến tháng 12/2022: từ 2.000.000 đồng đến 3.070.000 đồng/tháng/người (kinh phí chi từ nguồn ngân sách nhà nước). Từ tháng 01/2023 đến thời điểm thanh tra tháng 10/2023: từ 2.000.000 đồng đến 3.250.000 đồng/tháng/người (kinh phí trích từ nguồn ngân sách nhà nước).

Chi trả tiền lương LĐHĐ thực hiện nhiệm vụ nấu ăn: năm học 2021-2022, 2022-2023 mức lương từ 4.000.000 đồng đến 4.400.000 đồng/người/tháng (kinh phí chi từ nguồn thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục); năm học 2023-2024 mức lương từ 4.500.000 đến 5.300.000 đồng/người/tháng (kinh phí chi từ nguồn thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục).

C. KẾT LUẬN CHUNG

I. Ưu điểm

- Các năm học (trong thời kỳ thanh tra) nhà trường đã xây dựng, ban hành các văn bản để chỉ đạo, triển khai, thực hiện các nhiệm vụ đúng thẩm quyền, bao quát các nhiệm vụ, hoạt động trong nhà trường; thường xuyên tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các quy định của ngành về giáo dục, GDMN tới CBGVNV trong nhà trường và cha mẹ trẻ.

- Trường có đủ các tổ chức, đoàn thể theo quy định; các tổ chức đoàn thể, các hội đồng trong nhà trường xây dựng kế hoạch để triển khai thực hiện các nhiệm vụ khá tốt; đã bố trí phân công CBGVNV phù hợp năng lực để thực hiện nhiệm vụ hiệu quả trong công tác NDCSGD.

²⁷ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

- Chỉ đạo thực hiện chương trình NDCSGD theo quy định của Bộ GD&ĐT; tổ chức NDCSGD trẻ em đảm bảo quy định, phù hợp với điều kiện của địa phương, nhà trường và khả năng, nhu cầu của trẻ. Trẻ được tiếp nhận, học tại trường đúng độ tuổi; được quản lý theo dõi đảm bảo an toàn, hưởng chế độ chính sách đúng quy định.

- Nhà trường tích cực tham mưu với cấp ủy đảng, chính quyền địa phương quan tâm đầu tư cơ sở vật chất để đảm bảo các điều kiện NDCSGD trẻ; thực hiện tốt công tác phổ cập GDMN trẻ em 5 tuổi. Quản lý và sử dụng khá hiệu quả cơ sở vật chất; hồ sơ theo dõi, quản lý tài sản khá đầy đủ.

- Thực hiện đảm bảo về quy định mức thu học phí và các nguồn lực tài chính khác theo quy định; cả 3 năm học nhà trường thu học phí sử dụng nhập hóa đơn điện tử, đã thực hiện in hóa đơn giao cho phụ huynh và lưu hóa đơn đúng theo quy định của Bộ Tài Chính. Thực hiện chi trả chế độ chính sách cho CBGVNV và trẻ em theo quy định.

II. Tồn tại, hạn chế

- Việc cấp sổ, đăng ký văn bản đi ở một số văn bản đi chưa kịp thời (có sổ văn bản kèm ký tự a/b). Hồ sơ công tác kiểm tra nội bộ chưa đảm bảo (thể thức, căn cứ ban hành một số văn bản về công tác kiểm tra chưa đảm bảo quy định; nội dung kế hoạch tiến hành kiểm tra, báo cáo kết quả kiểm tra còn sơ sài).

- Hiện tại, trường còn thiếu 03 giáo viên; có 01 giáo viên (hợp đồng trường) chưa đạt chuẩn theo quy định và 04 L&ĐHĐ trường (nấu ăn và bảo vệ) chưa được bồi dưỡng kỹ năng nghề theo quy định tại điểm k, khoản 1, Điều 21, Bộ luật Lao động năm 2019.

- Việc sử dụng nguyên vật liệu thiên nhiên cho trẻ thực hành trải nghiệm tại các góc, khu vực chơi ngoài trời còn ít. Nội dung sinh hoạt tổ chuyên môn chưa phong phú, ít chú trọng vào các vấn đề trọng tâm về đổi mới phương pháp dạy học hay việc tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc cho giáo viên trong tổ.

- *Tại thời điểm thanh tra, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của nhà trường chưa đầy đủ theo quy định; có hạng mục công trình bị xuống cấp, hỏng:*

+ Điểm trường khu Trung tâm (do đang trong quá trình hoàn thiện công trình) nên sân chơi chưa bằng phẳng, chưa trồng cây xanh, quy hoạch góc chơi, chưa có sân khấu ngoài trời; chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 2, Điều 147, Luật đất đai ngày 29/11/2013.

+ Điểm trường khu Thống Nhất (do đang trong quá trình xây dựng), chưa được hoàn thiện, còn thiếu nhiều hạng mục công trình.

+ Điểm trường khu Yên Tế phía sau dãy nhà 02 phòng học có đoạn tường bao dài khoảng 50m đã xuống cấp, khoảng sân cạnh lớp 5 tuổi A không bằng phẳng, không đảm bảo an toàn cho trẻ.

+ Trường thiếu 08 phòng học nên phải bố trí cho 08 lớp học tạm ở 08 phòng ngủ của trẻ ở điểm trường khu Trung tâm; thiếu một số thiếu bị, đồ dùng dạy học theo quy định : thiếu 11 thiết bị dùng chung; 458 thiết bị phòng NDCSGD (trong đó thiếu 230 thiết bị quy định đồ dùng, thiết bị dạy học tối thiểu cho các nhóm, lớp); 11 thiết bị phòng giáo dục nghệ thuật; 06 thiết bị phòng giáo dục thể chất; 05 danh mục

thiết bị phòng họp CBGVNV; 12 thiết bị phòng y tế; 171 thiết bị đồ chơi ngoài trời; 14 thiết bị đồ dùng nhà bếp; 09 thiết bị văn phòng.

- Một số chứng từ chi hóa đơn mua nước, văn phòng phẩm, có hóa đơn bán lẻ trên 200.000 đồng, chưa đúng quy định của Bộ tài chính (phần kinh phí hoạt động của Ban đại diện cha mẹ trẻ em nhà trường).

D. KIẾN NGHỊ

I. Đối với Hiệu trưởng và trường mầm non Yên Đồng, huyện Yên Mô

- Khắc phục những tồn tại, hạn chế đã được chỉ ra; xác định rõ trách nhiệm đối với từng bộ phận, cá nhân có liên quan đến các tồn tại, hạn chế nêu trên.

- Nghiên cứu, thực hiện công tác văn thư đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ (rà soát, chỉnh sửa văn bản đảm bảo thể thức, đảm bảo tính pháp lý, đúng quy định trước khi ký, ban hành văn bản).

- Tham mưu cấp có thẩm quyền, điều động, bổ sung đủ giáo viên cho nhà trường; bố trí cho giáo viên, lao động hợp đồng thực hiện nhiệm vụ nấu ăn, bảo vệ tham gia lớp đào tạo chuyên môn, bồi dưỡng kỹ năng nghề đúng quy định.

- Tập trung chỉ đạo đổi mới phương pháp NDCSGD trẻ, nâng cao chất lượng sinh hoạt tổ chuyên môn. Có biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng nguyên vật liệu thiên nhiên cho trẻ thực hành trải nghiệm tại các góc, khu vực chơi ngoài trời.

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra tra nội bộ có trọng tâm, trọng điểm, sát với tình hình thực tế của đơn vị; thực hiện báo cáo công tác kiểm tra đảm bảo nội dung đã triển khai thực hiện.

- Tham mưu cấp có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nhà trường. Tham mưu với chính quyền địa phương đầu tư kinh phí đẩy nhanh tiến độ thi công xây dựng, hoàn thiện các hạng mục công trình (khu Thống Nhất) và hoàn thiện sân chơi (khu Trung tâm) sớm đưa vào sử dụng để khắc phục tình trạng thiếu phòng học, đảm bảo an toàn trong quá trình tổ chức các hoạt động trong nhà trường.

- Đầu tư kinh phí sửa chữa, bảo dưỡng hạng mục công trình bị hỏng, xuống cấp để đảm bảo an toàn trường học; bố trí kinh phí cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất và mua sắm, bổ sung thiết bị đồ dùng dạy học đầy đủ theo quy định.

- Hướng dẫn Ban ĐDCMTE trong nhà trường sử dụng kinh phí hoạt động của Ban ĐDCMTE đúng quy định (sử dụng hóa đơn mua bán).

II. Đối với Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Yên Mô

- Theo dõi, đôn đốc, chỉ đạo, kiểm tra Trường MN Yên Đồng khắc phục tồn tại, hạn chế mà Đoàn Thanh tra đã nêu và các kiến nghị trong Kết luận thanh tra.

- Tăng cường công tác kiểm tra việc thực hiện đổi mới phương pháp NDCSGD trẻ, chỉ đạo sinh hoạt tổ chuyên môn của nhà trường.

- Tham mưu với Ủy ban nhân dân huyện bố trí đủ giáo viên cho nhà trường.

III. Đối với Ủy ban nhân dân xã Yên Đồng, huyện Yên Mô

- Đầu tư kinh phí xây dựng, hoàn thiện các hạng mục công trình (khu Trung Tâm, khu Thống Nhất) cho nhà trường.

- Hoàn thiện hồ sơ, tham mưu cấp có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho trường MN Yên Đồng theo quy định.

Trên đây là Kết luận thanh tra chuyên ngành Trường MN Yên Đồng, huyện Yên Mô, yêu cầu Hiệu trưởng nhà trường thực hiện nghiêm yết, công khai Kết luận thanh tra tại đơn vị theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Trường MN Yên Đồng, huyện Yên Mô;
- Giám đốc Sở GDĐT;
- Ông Đinh Văn Khâm, Phó GD Sở GDĐT;
- Phòng GDĐT huyện Yên Mô;
- UBND xã Yên Đồng, huyện Yên Mô;
- Phòng GDMN Sở GDĐT;
- Website Sở GDĐT;
- Lưu: VT, TTr.

CHÁNH THANH TRA



Phan Việt Dũng